

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 99/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 06 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5

năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 88/TTr-STTTT ngày 27 tháng 9 năm 2024 về ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 5786/BC-STP-KTrVB ngày 09 tháng 09 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành văn bản

Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2024. Quyết định số 5086/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy chế tích hợp, quản lý, vận hành, khai thác Kho dữ liệu dùng chung của thành phố hết hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, phường, xã, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh
(Kèm theo Quyết định số 99/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về các hoạt động quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước Thành phố bao gồm: quản lý, quản trị dữ liệu số và chia sẻ dữ liệu số; cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân; quyền và trách nhiệm trong kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước Thành phố bao gồm các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; các đơn vị, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu số, cung cấp và sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu số là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh

hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.

2. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Trong Quy chế này, dữ liệu mở được hiểu là dữ liệu mở của cơ quan nhà nước.

3. Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu là sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được giao chủ trì việc thu thập, tạo lập, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu.

Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ

Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu phải phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử Thành phố.

2. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước là tài sản của thành phố, cần được bảo tồn, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung của thành phố và chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu theo quy định của pháp luật; không thu thập, tổ chức thu thập lại dữ liệu hoặc yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin, dữ liệu trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính nếu dữ liệu này đã được cơ quan nhà nước khác cung cấp, sẵn sàng cung cấp thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu, trừ trường hợp dữ liệu đó không bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Dữ liệu của cơ quan nhà nước Thành phố cần được đồng bộ, thống nhất và có tài liệu mô tả chi tiết. Dữ liệu dùng chung cần được quản lý tập trung tại Kho dữ liệu dùng chung của thành phố.

5. Dữ liệu của cơ quan nhà nước Thành phố cần được chuẩn hoá theo đúng theo các yêu cầu của các Bộ ngành trung ương (nếu có) để có thể sẵn sàng tích hợp vào

các cơ sở dữ liệu cấp Quốc gia khi có yêu cầu.

6. Dữ liệu chia sẻ phải đảm bảo tính cập nhật và chính xác theo quy định của pháp luật.

7. Dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật Phí và lệ phí.

8. Dữ liệu của cơ quan nhà nước chia sẻ cho tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác dữ liệu của mình hoặc dữ liệu của tổ chức, cá nhân khác khi được tổ chức, cá nhân đó chấp nhận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Các trường hợp ngoài quy định tại điểm a khoản này, dữ liệu của cơ quan nhà nước được chia sẻ cho tổ chức, cá nhân được thực hiện theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các quy định của pháp luật hiện hành.

9. Việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Điều 6. Các hành vi không được làm

Các đơn vị, tổ chức, cá nhân khi tham gia vào các hoạt động liên quan đến quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của Thành phố Hồ Chí Minh không được thực hiện các hành vi được nêu tại Điều 8 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, TRUY CẬP, CHIA SẺ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG DỮ LIỆU SỐ TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 7. Nguyên tắc quản lý dữ liệu trong cơ quan nhà nước

1. Dữ liệu trong cơ quan nhà nước được tổ chức thống nhất, được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước. Dữ liệu, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của cơ quan, đơn vị phải được tổ chức, lưu trữ tạo thuận lợi cho việc chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị bên ngoài.

2. Việc tạo lập, thông tin dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước phải sử dụng thống nhất các bảng mã danh mục dùng chung, thống nhất với dữ liệu chủ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Các cơ quan nhà nước của thành phố đều có thể khai thác sử dụng dữ liệu vào mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành trong phạm vi chức năng của cơ quan mình. Đặc biệt là để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách và quyết định qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo.

4. Các cơ quan nhà nước thành phố được cấp tài khoản và phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và các quy định khác có liên quan.

5. Các cơ quan nhà nước không được yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại dữ liệu mà cơ quan đó đang quản lý hoặc dữ liệu đó được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ và đáp ứng được yêu cầu, trừ trường hợp yêu cầu cung cấp dữ liệu phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

6. Các cơ quan nhà nước phải lưu lại lịch sử cập nhật, cung cấp, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu làm căn cứ đối chiếu, giải quyết các vấn đề về việc sử dụng sau khi khai thác.

7. Nghiêm cấm việc mua bán, trao đổi, chia sẻ dữ liệu trái quy định của pháp luật.

8. Mọi vi phạm, hành vi đánh cắp dữ liệu, hành vi lạm dụng, sử dụng dữ liệu không phải vì mục đích phục vụ tác nghiệp và điều hành của cơ quan nhà nước hoặc sử dụng dữ liệu vì mục đích cá nhân hay thương mại mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, phải được báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân Thành phố và sẽ được xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 8. Cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước

1. Cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước Thành phố bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu dùng chung Thành phố;

b) Các cơ sở dữ liệu khác trong nội bộ một hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước không thuộc điểm a khoản này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông (Đơn vị giám quản dữ liệu) chủ trì, phối hợp với Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố (Đơn vị quản lý dữ liệu) và Đơn vị chủ quản dữ liệu xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cập nhật danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc Thành phố quản lý.

3. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố bao gồm ít nhất các nội dung như sau:

- a) Tên các cơ sở dữ liệu;
- b) Mô tả mục đích, phạm vi của từng cơ sở dữ liệu;
- c) Nội dung, đối tượng quản lý của từng cơ sở dữ liệu;
- d) Cơ chế thu thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập của từng cơ sở dữ liệu;
- đ) Hình thức chia sẻ dữ liệu của từng cơ sở dữ liệu;
- e) Đơn vị chủ trì triển khai và thời gian vận hành của từng cơ sở dữ liệu.

Điều 9. Công dữ liệu Thành phố

1. Là đầu mối cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, giám sát tình hình kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Là đầu mối cung cấp dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng nhằm thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội.

3. Các đơn vị thực hiện truy cập Công dữ liệu Thành phố tại địa chỉ <https://data.hochiminhcity.gov.vn/> theo tài khoản được cấp phát và phân quyền truy cập dữ liệu.

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá, duy trì định kỳ hàng năm.
2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu dữ liệu bao gồm:
 - a) Kiểm kê các hạng mục nội dung dữ liệu;
 - b) Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu;
 - c) Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: độ chính xác dữ liệu, độ toàn vẹn của dữ liệu, dữ liệu bất thường;
 - d) Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu;
 - đ) Đánh giá về chia sẻ dữ liệu, đối tượng sử dụng, mục đích chia sẻ phù hợp với các quy định, quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ;
 - e) Đề xuất các hoạt động cần thiết để duy trì dữ liệu (nếu có).

3. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông (Đơn vị giám quản dữ liệu) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

Điều 11. Hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Đơn vị chủ quản dữ liệu chủ trì, phối hợp với Đơn vị giám quản dữ liệu có trách nhiệm ban hành các hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu. Đối với từng loại dữ liệu, bao gồm ít nhất các thông tin sau:

a) Đơn vị nào được phép truy cập, sử dụng dữ liệu.

b) Đơn vị nào được phép cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu. Trong trường hợp có nhiều cá nhân, tổ chức tham gia cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu thì cần xác định rõ một cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm xác nhận dữ liệu cuối cùng được cập nhật nhằm đảm bảo tính chính xác, nhất quán của dữ liệu.

2. Hướng dẫn về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu phải được công bố công khai.

Điều 12. Phân quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Trừ trường hợp chia sẻ dữ liệu không yêu cầu xác thực cơ quan khai thác dữ liệu (đã thể hiện trong hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu đã ban hành), việc kết nối và chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác sử dụng tài khoản kết nối với hình thức định danh và xác thực phù hợp cho cơ quan, tổ chức có nhu cầu kết nối theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố, Đơn vị quản lý dữ liệu có trách nhiệm phân quyền truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

3. Đối với dữ liệu khác, Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm phân quyền truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu.

4. Việc phân quyền truy cập dữ liệu phải đảm bảo thực hiện theo các hướng dẫn về việc truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu do Đơn vị chủ quản dữ liệu phối hợp với Đơn vị giám quản dữ liệu ban hành theo Điều 11 Quy chế này,

đồng thời không được trái với các quy định chuyên ngành.

Điều 13. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, cung cấp, khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phải thực hiện qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Đơn vị quản lý dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

3. Đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

4. Nội dung thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu bao gồm:

a) Tên dịch vụ;

b) Đơn vị cung cấp;

c) Địa chỉ cung cấp dịch vụ;

d) Nội dung dữ liệu chia sẻ;

đ) Hình thức chia sẻ;

e) Cấu trúc dữ liệu trao đổi của dữ liệu được chia sẻ tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

g) Mô hình kết nối;

h) Phương thức chia sẻ;

i) Các yêu cầu khi khai thác;

k) Các thông số, tài liệu kỹ thuật cần thiết kèm theo.

Điều 14. Từ điển dữ liệu

1. Từ điển dữ liệu bao gồm các định nghĩa về các trường dữ liệu, chuẩn dữ liệu, cơ chế cập nhật, chia sẻ dữ liệu. Đối với từng trường dữ liệu, bao gồm ít nhất các thông tin như sau:

a) Tên trường dữ liệu;

b) Mô tả trường thông tin;

- c) Kiểu dữ liệu;
- d) Chủ quản dữ liệu;
- đ) Đơn vị nào được phép truy cập, sử dụng dữ liệu.
- e) Đơn vị nào được phép cập nhật, chỉnh sửa dữ liệu.
- g) Hình thức cập nhật dữ liệu.
- h) Tần suất cập nhật dữ liệu.

2. Đơn vị chủ quản dữ liệu chủ trì xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

3. Các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào hoạt động tạo lập, truy cập, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu của Thành phố có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định của từ điển dữ liệu.

Điều 15. Hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu bao gồm:

- a) Hệ thống thông tin và hạ tầng kết nối mạng phù hợp để cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu;
- b) Công cụ, biện pháp để bảo vệ dữ liệu và xác thực dữ liệu trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu;
- c) Các điều kiện kỹ thuật khác phục vụ kết nối, cung cấp dữ liệu và khai thác và sử dụng dữ liệu.

2. Đơn vị quản lý dữ liệu chủ trì, xây dựng, duy trì, vận hành Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu Thành phố phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước Thành phố và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

Điều 16. Tạm ngừng kết nối, cung cấp dữ liệu trên môi trường mạng do cơ quan cung cấp dữ liệu

Việc tạm ngừng kết nối, cung cấp dữ liệu trên môi trường mạng do cơ quan cung cấp dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 17. Chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu có quyền chấm dứt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng cho cơ quan khai thác dữ liệu trong các trường hợp sau:

a) Có sự thay đổi, điều chỉnh về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dẫn đến việc sử dụng dữ liệu của cơ quan khai thác dữ liệu không còn phù hợp;

b) Việc kết nối không thể khôi phục do sự cố hoặc do điều kiện khách quan mà cơ quan cung cấp dữ liệu không thể tiếp tục duy trì các dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

c) Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với các quy định của pháp luật;

d) Cơ quan khai thác dữ liệu không có nhu cầu tiếp tục kết nối và khai thác dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm thông báo kết quả chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác dữ liệu và các cơ quan có liên quan.

Điều 18. Đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình.

2. Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu cơ quan nhà nước chỉ được thực hiện thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Thành phố.

4. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu dùng chung phải được ghi vào nhật ký của Kho dữ liệu dùng chung.

Chương III**DỮ LIỆU MỞ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC****Điều 19. Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước**

1. Hoạt động cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân

thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- a) Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đầy đủ nội dung thông tin cơ quan nhà nước cung cấp;
- b) Dữ liệu mở được cung cấp là dữ liệu được cập nhật mới nhất theo tần suất cập nhật được công bố;
- c) Dữ liệu mở phải có khả năng truy cập sử dụng được trên môi trường mạng;
- d) Dữ liệu mở phải đảm bảo khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được;
- đ) Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, khai thác, sử dụng dữ liệu mở;
- e) Sử dụng dữ liệu mở là miễn phí;
- g) Ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao.

2. Đơn vị giám quản dữ liệu phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu, Đơn vị quản lý dữ liệu có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục dữ liệu mở của Thành phố.

Điều 20. Quy định sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước

Quy định sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 47/2020/NĐ-CP.

Điều 21. Phương thức, cách thức công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước

1. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước được cung cấp qua các phương thức được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 47/2020/NĐ-CP.

2. Dữ liệu mở phải được công bố trên Cổng dữ liệu Thành phố.

Điều 22. Danh mục dữ liệu mở Thành phố

1. Danh mục dữ liệu mở Thành phố bao gồm ít nhất các nội dung như sau:

- a) Tên dữ liệu;
- b) Mô tả dữ liệu;
- c) Đơn vị chủ trì cung cấp;
- d) Ngày cung cấp lần đầu;

đ) Tần suất cập nhật.

2. Danh mục dữ liệu mở được rà soát, sửa đổi (nếu có) theo định kỳ, tối thiểu 6 tháng một lần; dữ liệu mở đã công bố theo danh mục phải được cập nhật hoặc bổ sung (nếu có) theo tần suất cập nhật đã công bố.

Chương IV

KINH PHÍ VÀ NGUỒN NHÂN LỰC THỰC HIỆN

Điều 23. Kinh phí tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Kinh phí tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu được được cân đối từ ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách của cơ quan nhà nước.

2. Ưu tiên, khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, tận dụng nguồn lực của các thành phần kinh tế đầu tư phát triển hệ thống, ngân sách nhà nước chi trả tiền thuê dịch vụ hàng năm.

3. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước thành phố bảo đảm, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu.

Điều 24. Nguồn nhân lực thực hiện tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Nhân lực thực hiện tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu được tận dụng từ nguồn nhân lực tại chỗ đang thực hiện quản lý, vận hành các hệ thống thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị cung cấp và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện về nhân lực phục vụ quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC QUẢN LÝ, KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Sở Thông tin và Truyền thông là Đơn vị giám quản dữ liệu của Thành phố.

2. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quy định, chính sách về

quản trị, chia sẻ, khai thác và bảo mật dữ liệu.

b) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu, Đơn vị quản lý dữ liệu xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, Danh mục dữ liệu mở của Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý dữ liệu thực hiện giám sát việc tổ chức tạo lập, quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu của các cơ quan nhà nước Thành phố (bao gồm dữ liệu mở).

d) Phối hợp Đơn vị chủ quản dữ liệu xây dựng các quy định, quy chế, hướng dẫn về trách nhiệm của các đơn vị thực hiện cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi quản lý của đơn vị.

đ) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu, Đơn vị quản lý dữ liệu, Đơn vị khai thác dữ liệu giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình chia sẻ, dữ liệu.

e) Hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, đơn vị kết nối ra ngoài phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

h) Phối hợp các đơn vị thực hiện tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo liên quan đến việc khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu.

Điều 26. Trách nhiệm của Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố

1. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị quản lý dữ liệu của Thành phố.

2. Trách nhiệm của Đơn vị quản lý dữ liệu:

a) Đảm bảo các điều kiện hạ tầng kỹ thuật và vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố, đảm bảo phục vụ cho nhu cầu tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu tại Kho dữ liệu dùng chung của Thành phố.

b) Chủ trì tích hợp các cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở của Thành phố về Kho dữ liệu dùng chung Thành phố.

c) Vận hành Cổng dữ liệu Thành phố.

d) Theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ các đơn vị thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu. Đảm bảo duy trì hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của Thành phố.

đ) Tham gia phối hợp với Đơn vị giám quản dữ liệu (Sở Thông tin và Truyền thông) trong việc xây dựng và công bố danh mục các cơ sở dữ liệu dùng chung, danh mục dữ liệu mở của Thành phố.

e) Tham gia phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu trong việc công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (đối với các cơ sở dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

g) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị chủ quản dữ liệu thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập, cập nhật cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố.

h) Hỗ trợ Đơn vị chủ quản dữ liệu xây dựng các mô hình tham chiếu dữ liệu và các tiêu chuẩn kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu, đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp, liên thông, chia sẻ.

i) Có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về triển khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu mới (đối với dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của Thành phố).

k) Thực hiện báo cáo về tình hình quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu cho Đơn vị giám quản dữ liệu trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 27. Trách nhiệm của Đơn vị chủ quản dữ liệu

1. Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu là sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được giao chủ trì việc thu thập, tạo lập, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu.

2. Trách nhiệm của Đơn vị chủ quản dữ liệu:

a) Phân công 01 cán bộ lãnh đạo và 01 cán bộ kỹ thuật làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và chia sẻ dữ liệu.

b) Tham gia phối hợp với Đơn vị giám quản dữ liệu (Sở Thông tin và Truyền thông) trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các danh mục dữ liệu dùng chung và danh mục dữ liệu mở của Thành phố.

c) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý dữ liệu (Trung tâm Chuyên đổi số Thành phố) trong việc xây dựng và công bố từ điển dữ liệu của các cơ sở dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

d) Chịu trách nhiệm trong việc thu thập, tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu vào

Kho dữ liệu dùng chung theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và danh mục dữ liệu mở của Thành phố. Bảo đảm việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung kịp thời, nhất quán, chính xác, đầy đủ và liên tục, theo đó các dữ liệu phát sinh mới phải được cập nhật về Kho dữ liệu dùng chung theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và tần suất cập nhật theo từ điển dữ liệu đã công bố và các danh mục dữ liệu được ban hành.

đ) Chủ trì, phối hợp với Đơn vị giám quản dữ liệu xây dựng các quy định về quyền cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi quản lý của đơn vị theo Điều 11 Quy chế này.

e) Chủ trì thiết lập các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập các cơ sở dữ liệu do đơn vị quản lý (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

g) Có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các yêu cầu về triển khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu mới đối với các cơ sở dữ liệu do đơn vị quản lý (không bao gồm cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố).

h) Khi triển khai các kế hoạch tạo lập cơ sở dữ liệu phải thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và hướng dẫn của Đơn vị giám quản dữ liệu và Đơn vị quản lý dữ liệu.

i) Thường xuyên cung cấp thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình và tiến độ triển khai cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng thời, phối hợp với Đơn vị quản lý dữ liệu, cung cấp các tài liệu kỹ thuật cần thiết để thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành về Kho dữ liệu dùng chung nhằm phục vụ cho công tác chia sẻ, khai thác.

k) Có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu và gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 28. Trách nhiệm của Đơn vị sử dụng dữ liệu

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo và 01 cán bộ kỹ thuật làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận và khai thác dữ liệu.

2. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu và các quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được khai thác và sử dụng dữ liệu đúng phạm vi cho phép theo các quy định, quy chế, hướng dẫn của Đơn vị giám quản dữ liệu và Đơn vị chủ quản dữ liệu.

4. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu được cấp quyền khai thác, tuyệt đối không rò rỉ, chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

5. Được phép phát triển hệ thống thông tin sử dụng dữ liệu đã được cấp quyền truy cập để phục vụ cho nhu cầu quản lý của đơn vị. Khi đó, đơn vị sử dụng dữ liệu có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu về bảo mật dữ liệu và quy định về quyền truy cập, cập nhật, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu theo Điều 11 Quy chế này.

6. Thông báo cho Đơn vị quản lý dữ liệu và Đơn vị chủ quản dữ liệu trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu số, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

7. Phối hợp với Đơn vị giám quản dữ liệu, Đơn vị quản lý dữ liệu, Đơn vị chủ quản dữ liệu để giải quyết các vướng mắc trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí hàng năm cho các đơn vị để triển khai các nhiệm vụ về tạo lập, quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.

2. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị và

các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.